



BỘ CÔNG THƯƠNG



KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NGÀNH CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016-2020

TS. DƯƠNG DUY HƯNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH, BỘ CÔNG THƯƠNG

HÀ NỘI, NGÀY 31 THÁNG NĂM 2017

BỐI CẢNH

1. Nghị quyết Quốc hội số 24/2016/QH14 về “*Kế hoạch tái cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 – 2020*”, trong đó xác định ***cơ cấu lại thực chất ngành công nghiệp là một trong các nhiệm vụ trọng tâm trong cơ cấu lại nền kinh tế*** với việc tập trung vào một số ngành công nghiệp nền tảng, có lợi thế cạnh tranh và ý nghĩa chiến lược đối với tăng trưởng nhanh, bền vững gắn kết với bảo vệ môi trường.
2. Nghị quyết Chính phủ số 01/NQ-CP về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2017, trong đó giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương và địa phương nghiên cứu, xây dựng Đề án “***Kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp giai đoạn 2016 – 2020***” phù hợp với Nghị quyết số 24/2016/QH14 của Quốc hội, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong quý II năm 2017.
3. Quyết định số 47/QĐ-BCT về Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ do Bộ trưởng Bộ Công Thương ký ban hành ngày 09 tháng 01 năm 2017 trong đó giao Vụ Kế hoạch chủ trì xây dựng Đề án “***Kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp giai đoạn 2016 – 2020***”.

BỐI CẢNH

1. Sự dịch chuyển sản xuất công nghiệp của nền kinh tế toàn cầu và xu hướng đẩy mạnh các FTA đặt ra yêu cầu ngày càng mạnh mẽ hơn về tái cấu trúc các ngành công nghiệp trong nước.
2. Việt Nam đã dịch chuyển từ nhóm quốc gia kém phát triển sang quốc gia có mức thu nhập thấp trong vài năm trở lại đây đã dẫn đến cần phải điều chỉnh các chính sách công nghiệp cho phù hợp với bối cảnh mới để không gây cản trở cho phát triển.
3. Xu hướng cải tiến công nghệ sản xuất trong các ngành công nghiệp theo hướng xanh hơn và các ngành công nghiệp xanh.
4. Sự phát triển và phân công chuyên môn hóa ngày càng cao của chuỗi giá trị toàn cầu.
5. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra trên toàn cầu vừa là thách thức nhưng cũng vừa là cơ hội rất tốt để Việt Nam có thể tận dụng để xử lý hàng loạt vấn đề lớn trong phát triển kinh tế đất nước và tái cơ cấu trong lĩnh vực công nghiệp để bắt kịp xu hướng phát triển công nghiệp, cải tiến mô hình tổ chức sản xuất công nghiệp theo hướng tối ưu hóa các nguồn lực đầu vào, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa và phát triển các ngành công nghiệp mới.

=> Cần phải cơ cấu lại và xây dựng định hướng phát triển công nghiệp trong thời gian tới

NỘI DUNG CỦA BÀI TRÌNH BÀY

1- Phát triển công nghiệp Việt nam trong thời gian qua

- Những thành tựu
- Các điểm nghẽn và nguyên nhân
- Đánh giá sơ bộ về kết quả 2 năm triển khai thực hiện Đề án và Kế hoạch tái cơ cấu của ngành Công Thương

2- Kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp giai đoạn 2016-2020

- Quan điểm, định hướng
- Mục tiêu
- Nội dung Kế hoạch
- Tổ chức thực hiện.

NHỮNG THÀNH TỰU TRONG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP

1. Sản xuất công nghiệp liên tục được mở rộng, Việt Nam luôn ở trong nhóm các quốc gia có tốc độ tăng trưởng công nghiệp cao:
 - *GTSX công nghiệp sau 10 năm (2006 - 2015) tăng gần 3,5 lần, từ 0,34 triệu tỷ đồng lên 1,17 triệu tỷ đồng với tỉ trọng đóng góp vào GDP duy trì ổn định khoảng 31 - 32%, và trở thành ngành đóng góp nhiều nhất cho ngân sách nhà nước; tốc độ tăng trưởng luôn duy trì ở mức cao trên 10%*
2. Công nghiệp trở thành ngành xuất khẩu chủ đạo của nền kinh tế với quy mô và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu đạt ở mức cao, một số ngành có năng lực cạnh tranh toàn cầu, cơ cấu xuất khẩu dịch chuyển mạnh theo hướng giảm các nhóm ngành công nghiệp sơ chế, khai khoáng:
 - *KNXK công nghiệp tăng khoảng 3,5 lần, từ 43,16 tỷ USD năm 2005 lên 148,9 tỷ vào năm 2015 và chiếm tỷ trọng xấp xỉ 90%. Xuất khẩu của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng gần 4,5 lần, từ 33,68 tỷ USD (chiếm tỷ trọng 78%) lên 144,85 tỷ USD (chiếm 97,3%), trong khi ngành khai khoáng giảm khoảng 2,4 lần, từ 9,49 tỷ xuống còn 4,06 tỷ USD.*
 - *Điện tử, dệt may và da giày đã trở thành 3 ngành xuất khẩu chủ lực của nền kinh tế với tỷ trọng chiếm hơn 60% tổng kim ngạch xuất khẩu.*

NHỮNG THÀNH TỰU TRONG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP (*tiếp*)

3. Đầu tư cho phát triển công nghiệp liên tục tăng, đặc biệt là đầu tư từ khu vực ngoài nhà nước: gần 3 lần (557 nghìn tỷ đồng so với 206 nghìn tỷ đồng) và luôn chiếm xấp xỉ 40% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, chỉ sau ngành ngành dịch vụ (xấp xỉ 50%)
 - Công nghiệp là lĩnh vực thu hút nhiều FDI và ngành hội nhập mạnh mẽ nhất trong thời gian qua về quy mô vốn đầu tư (tăng 5 lần từ 65,6 nghìn tỷ đồng lên 318,1 nghìn tỷ đồng) và tỷ trọng (từ 16,2% lên 23,3%), trong đó ngành công nghiệp CBCT trở thành ngành thu hút nhiều FDI nhất trong các ngành công nghiệp.
4. Các ngành công nghiệp đã thu hút, tạo việc làm đáng kể cho lực lượng lao động trong nước: chiếm khoảng 15% lao động của cả nước
5. Quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp đã được xây dựng khá toàn diện và đồng bộ: đã ban hành Quy hoạch tổng thể của ngành công nghiệp; hơn 30 quy hoạch các ngành công nghiệp cấp I và II; các quy hoạch của 64 tỉnh thành...

NHỮNG ĐIỂM NGHẼN VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tăng trưởng công nghiệp phụ thuộc nhiều vào các yếu tố về vốn, tài nguyên, lao động trình độ thấp, chưa dựa nhiều vào tri thức, khoa học và công nghệ, lao động có kỹ năng:

- Đóng góp của công nghệ đối với năng suất nhân tố tổng hợp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt thấp, chỉ xấp xỉ 10%, của toàn nền kinh tế là 29%, thấp hơn nhiều so với các nước khác trong khu vực ở cùng giai đoạn như: Ấn Độ (49%), Thái Lan và Philippine (70%), Malaysia (64%), Indonesia (37%) hay Trung Quốc (39%);
- Năng suất lao động trong công nghiệp của Việt Nam tăng hơn 2,5 lần trong 10 năm qua, từ 53,3 triệu đồng/lao động vào năm 2005 lên 135,8 triệu đồng/lao động. Tuy nhiên, tốc độ tăng NSLĐ của ngành công nghiệp giai đoạn 2006 - 2015 khoảng 2,4%/năm, chậm hơn tốc độ tăng bình quân chung của nền kinh tế là 3,9%;
- Lao động không có chuyên môn kỹ thuật chiếm tỷ trọng lớn và không cho thấy được sự cải thiện qua các năm (năm 2015 là 81,9%, cao hơn mức của năm 2007 là 78,8%),

NHỮNG ĐIỂM NGHẼN VÀ NGUYÊN NHÂN

2. Một số ngành công nghiệp chủ đạo chưa được tổ chức theo mô hình chuỗi giá trị, đặc biệt là các ngành công nghiệp định hướng xuất khẩu. Việt Nam chỉ tham gia được ở các công đoạn có giá trị gia tăng thấp như gia công, lắp ráp, không chủ động được nguồn cung cho sản xuất, đặc biệt là đối với các ngành phải nhập khẩu nguyên phụ liệu như dệt may, da giày, điện tử, hóa chất... Đây là các khâu được đánh giá là tạo ra giá trị gia tăng thấp nhất, trong khâu này tỷ suất lợi nhuận chỉ khoảng 5 - 10%.

- Ngành dệt may: chủ yếu theo phương thức gia công (CMT) chiếm đến 60%, theo phương thức FOB (mua nguyên liệu, bán thành phẩm) chiếm 35% và chỉ khoảng 5% xuất khẩu theo phương thức ODM (thiết kế trên ý tưởng có sẵn, sản xuất). Nguyên phụ liệu nhập khẩu chiếm 70 - 80%.
- Ngành nhựa: năng lực sản xuất nguyên liệu nhựa mới đáp ứng được khoảng 23% nhu cầu trong nước

=> Chính vì vậy, công nghiệp Việt Nam đạt thành tích lớn về quy mô xuất khẩu, nhưng thực chất giá trị gia tăng thu về lại không tương xứng.

NHỮNG ĐIỂM NGHẼN VÀ NGUYÊN NHÂN

3. Công nghiệp là ngành liên tục nhập siêu cho thấy ngành công nghiệp Việt Nam quá bị phụ thuộc vào nhập khẩu và dẫn đến sự thiếu chủ động và dễ tổn thương trước các biến động của thị trường thế giới, đặc biệt là phải nhập khẩu máy móc thiết bị sản xuất, nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất
 - Năm 2015, tỷ lệ nội địa hóa của ngành:
 - Điện tử gia dụng là 30-35%;
 - Điện tử tin học, viễn thông: 15%;
 - Điện tử chuyên dụng: 5%;
 - Ô tô - xe máy: 40%;
 - Công nghiệp công nghệ cao: 5%;
 - Dệt may: 40%;
 - Da giày :40 - 45%;

NHỮNG ĐIỂM NGHẼN VÀ NGUYÊN NHÂN

4. Một số ngành công nghiệp trọng điểm do các doanh nghiệp nhà nước nắm vai trò chủ đạo có hiệu quả hoạt động còn chưa cao, trong khi quá trình tái cơ cấu các DNNN diễn ra còn chậm và chưa thực chất dẫn đến vai trò kinh doanh trực tiếp của Nhà nước vẫn còn lớn so với thông lệ quốc tế trong nhiều ngành, lĩnh vực đã tạo ra môi trường cạnh tranh chưa bình đẳng cho các loại hình doanh nghiệp;
 - Chặng hạn với ngành công nghiệp hóa chất: Hiện nay chủ yếu là do các Tập đoàn kinh tế nhà nước làm chủ như Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tập đoàn Hóa chất Việt Nam. 88,8% sản lượng phân urê được sản xuất là từ các Tập đoàn kinh tế nhà nước, đối với phân lân là gần 100% và tới hơn 70% đối với phân NPK
 - Tổng tài sản của các doanh nghiệp do Nhà nước giữ tương đương 365 tỷ USD, bằng 188% GDP của Việt Nam và bằng 33,32% tổng tài sản toàn bộ khu vực doanh nghiệp, tăng mạnh so với mức khoảng 4,8 triệu tỷ đồng vào năm 2011 (tương đương 32,67% tổng tài sản toàn bộ khu vực doanh nghiệp thời điểm đó), cao hơn so với tổng tài sản DNNN của hầu hết các nước OECD (dưới 100 tỷ USD), trong khi quy mô nền kinh tế nhỏ hơn rất nhiều.

NHỮNG ĐIỂM NGHẼN VÀ NGUYÊN NHÂN

5. Một số các vấn đề khác:

- đầu tư trong công nghiệp chưa đi vào chiều sâu, việc thu hút và tận dụng nguồn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) còn nhiều hạn chế, đặc biệt là việc tiếp nhận chuyển giao công nghệ;
- các doanh nghiệp công nghiệp nội địa quy mô nhỏ, năng lực cạnh tranh nhìn chung còn thấp;
- phân bố không gian của các ngành công nghiệp chưa hiệu quả,
- vấn đề ô nhiễm môi trường...

NHỮNG ĐIỂM NGHẼN VÀ NGUYÊN NHÂN

6. Kết quả triển khai thực hiện tái cơ cấu ngành Công Thương:

- Quyết định số 2146/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "*Đề án Tái cơ cấu ngành Công Thương phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững giai đoạn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030*" Quyết định số 11476/QĐ-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc ban hành Kế hoạch hành động của ngành Công Thương
- Sau hơn 2 năm triển khai, kết quả vẫn còn nhiều hạn chế, tăng trưởng công nghiệp vẫn tiếp tục không có nhiều cải thiện, quá trình tái cơ cấu trong lĩnh vực công nghiệp chuyển dịch vẫn còn chậm, chưa thực sự đi vào chiều sâu; năng suất lao động trong các ngành vẫn thấp, các ngành công nghiệp phần lớn vẫn chỉ tham gia được ở các khâu giá trị gia tăng thấp của chuỗi giá trị toàn cầu; phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của các ngành sản xuất trong nước; sản xuất tăng cao chủ yếu ở một số nhóm ngành có vốn đầu tư nước ngoài; phân bố không gian công nghiệp chưa khai thác được tốt lợi thế về vị trí địa lý, tiềm năng của các địa phương...

KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NGÀNH CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Quan điểm, định hướng:

- Kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp giai đoạn 2016 - 2020 được xây dựng trên cơ sở tiếp nối và điều chỉnh, bổ sung những nội dung cần thiết trong Kế hoạch hành động của Bộ Công Thương ban hành tại Quyết định số 11476/QĐ-BCT trước đây, và cụ thể hóa các nội dung được đề ra trong Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết Quốc hội số 24/2016/QH14.
- Kế hoạch cơ cấu lại ngành công nghiệp giai đoạn 2016 - 2020 được xây dựng theo hướng tập trung vào xác định những hoạt động, chương trình cụ thể để xử lý một số điểm nghẽn lớn trong phát triển công nghiệp
- Tiếp tục thực hiện những nội dung liên quan đến tái cơ cấu đã được xác định trong lĩnh vực công nghiệp ở các đề án, chiến lược, quy hoạch đã được xây dựng và ban hành trong thời gian qua.

KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NGÀNH CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016-2020

2. Mục tiêu:

- Đảm bảo thực hiện mục tiêu về cơ cấu lại các ngành công nghiệp đã được Quốc hội và Chính phủ đề ra:
 - 1) Cơ cấu lại thực chất ngành công nghiệp, phát triển công nghiệp chế biến sâu, chế biến tinh nông, lâm, thủy sản, công nghiệp chế tạo; tăng mạnh năng suất nội bộ ngành, tăng hàm lượng công nghệ và tỉ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm;
 - 2) Tập trung vào một số ngành công nghiệp nền tảng, có lợi thế cạnh tranh và ý nghĩa chiến lược đối với tăng trưởng nhanh, bền vững gắn kết với bảo vệ môi trường;
 - 3) Chú trọng phát triển công nghiệp sản xuất linh kiện, cụm linh kiện, thúc đẩy một số mặt hàng tham gia sâu, có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị, phân phối toàn cầu; và
 - 4) Tạo điều kiện để doanh nghiệp đề xuất dự án đầu tư phục vụ mục tiêu cơ cấu lại nền kinh tế.
- Khơi thông, xử lý nhanh, có hiệu quả các điểm nghẽn trong phát triển các ngành công nghiệp;
- Tập trung nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ mang tính trọng tâm trọng điểm nhằm tạo ra những thay đổi thực chất để tạo ra tác động lan tỏa và dẫn dắt việc cơ cấu lại toàn ngành công nghiệp.

KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NGÀNH CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016-2020

3. Nhiệm vụ:

- **Nhóm nội dung số 1:** Nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng trong các ngành công nghiệp; tập trung phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên có khả năng lan tỏa cho toàn ngành công nghiệp khác; đảm bảo tăng trưởng nhanh và bền vững.
- **Nhóm nội dung số 2:** Đẩy mạnh cổ phần hóa, tổ chức sắp xếp lại các Doanh nghiệp nhà nước nhằm thực hiện cơ cấu lại chủ sở hữu, phát huy hiệu quả của các nguồn lực.
- **Nhóm nội dung số 3:** Nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp công nghiệp tư nhân, phát triển các doanh nghiệp công nghiệp có thương hiệu và sức cạnh tranh quốc tế; hỗ trợ phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa; tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp nội địa với các doanh nghiệp FDI, tăng cường chiếm lĩnh thị trường nội địa.
- **Nhóm nội dung số 4:** Điều chỉnh phân bố không gian công nghiệp phù hợp với định hướng cơ cấu lại các ngành công nghiệp, dịch chuyển dần các ngành công nghiệp thâm dụng tài nguyên và lao động từ các trung tâm kinh tế lớn về các địa phương khác và thay thế bằng các ngành công nghiệp thâm dụng công nghệ và chất xám; hình thành các cụm ngành chuyên môn hóa phát triển các ngành công nghiệp.

KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NGÀNH CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016-2020

3. Nhiệm vụ:

- **Nhóm nội dung số 5:** Xây dựng và hoàn thiện thể chế nhằm thúc đẩy cơ cấu lại ngành công nghiệp
- **Nhóm nội dung số 6:** Xây dựng năng lực hỗ trợ cơ cấu lại các ngành công nghiệp.
- **Nhóm nội dung số 7:** Thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ và nguồn nhân lực nhằm cung cấp các giải pháp hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành công nghiệp.
- **Nhóm nội dung số 8:** Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành công nghiệp.

KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NGÀNH CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016-2020

4. Tổ chức thực hiện

4.1. Nguồn kinh phí:

- a) Kinh phí thực hiện Kế hoạch được huy động từ các nguồn: vốn ngân sách nhà nước, vốn doanh nghiệp, vốn vay từ các tổ chức tín dụng, tài trợ quốc tế và nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.
- b) Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước: thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, cụ thể như sau:
 - Các dự án, nhiệm vụ thuộc phạm vi của các Bộ, ngành: được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của đơn vị và các chương trình/dự án đang được triển khai;
 - Các dự án, nhiệm vụ thuộc phạm vi của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: do ngân sách địa phương bảo đảm và được bố trí trong ngân sách hàng năm của địa phương.
- c) Huy động vốn từ các nguồn hợp pháp khác

KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NGÀNH CÔNG NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2016-2020

4. Tổ chức thực hiện

4.2. Phân công trách nhiệm

a) Bộ Công Thương:

- Chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành, các cơ quan liên quan triển khai thực hiện kế hoạch;
- Tổ chức kiểm tra, đôn đốc và giám sát quá trình thực hiện Kế hoạch;
- Tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện và xây dựng báo cáo thực hiện Kế hoạch với Quốc hội, Chính phủ; đề xuất sửa đổi, bổ sung Kế hoạch khi cần thiết.

b) Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính: Tham mưu đảm bảo nguồn vốn và tài chính cho việc thực hiện Kế hoạch này.

c) Các Bộ, ngành khác; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao và có trách nhiệm phối hợp với Bộ Công Thương trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện./

XIN CẢM ƠN!

Liên hệ :

Ban quản lý Dự án EU-MUTRAP

**Phòng 1203, Tầng 12, Khu Văn phòng, Tòa tháp Hà Nội,
49 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội**

Tel: (84 - 4) 3937 8472

Fax: (84 - 4) 3937 8476

Email: mutrap@mutrap.org.vn

Website: www.mutrap.org.vn

(Tài liệu hội thảo được đăng trên trang Web này)